

PHỤ LỤC DỰ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của Chủ tịch
UBND xã Minh Long)

Tổng kinh phí **79.288.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu hai trăm tám mươi tám ngàn đồng- đã bao gồm 8% thuế VAT)

Trong đó: - Kinh phí thực hiện định giá đất: 76.489.000đồng

- Kinh phí kiểm tra nghiệm thu công tác định giá đất: 2.799.000
đồng

STT	Nội dung	Cách tính	Đơn Giá Đất nông nghiệp (theo Quyết định số 68/2025/QĐ- UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) (Đơn vị tính: đồng)	Thành tiền kinh phí định giá Đất nông nghiệp dự án Thủy điện Long Sơn (đợt 2) (Đơn vị tính: đồng)
I	Chi phí trực tiếp	$A1 = a + b + c + d + e$	31.060.385	60.909.756
1	Công tác chuẩn bị	$a = a1 + a2$	2.276.105	2.276.105
	-Nội nghiệp	a1	2.276.105	2.276.105
	-Ngoại nghiệp	a2	-	0
2	Điều tra, tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường	$b = b1 + b2$	14.478.933	31.068.109
	-Nội nghiệp	b1	7.233.358	15.520.947
	-Ngoại nghiệp	b2	7.245.575	15.547.162

3	Áp dụng phương pháp định giá đất và xây dựng phương án giá đất	c = c1 + c2	11.573.417	24.833.611
	-Nội nghiệp	c1	11.573.417	24.833.611
	-Ngoại nghiệp	c2	-	0
4	Hoàn thiện dự thảo phương án giá đất	d = d1 + d2	2.170.030	2.170.030
	-Nội nghiệp	d1	2.170.030	2.170.030
	-Ngoại nghiệp	d2	-	0
5	In, sao, lưu trữ, phát hành phương án giá đất	e = e1 + e2	561.901	561.901
	-Nội nghiệp	e1	561.901	561.901
	-Ngoại nghiệp	e2	-	0
II	Chi phí chung	A2 = A2.1 + A2.2	5.021.336	9.913.822
	-Nội nghiệp (15%)	A2.1 = 15%(a1+b1+c1+d1+e1)	3.572.221	6.804.389
	-Ngoại nghiệp (20%)	A2.2 = 20%(a2+b2+c2+d2)	1.449.115	3.109.432
III	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu	B = B1 + B2	1.314.871	2.591.862
	-Nội nghiệp (4%)	B1 = 4%(a1+b1+c1+d1+e1)	952.592	1.814.504
	-Ngoại nghiệp (5%)	B2 = 5%(a2+b2+c2+d2+e2)	362.279	777.358
IV	Cộng		-	
	- Nội nghiệp	C1 = a1+b1+c1+d1+e1+A.2.1+B1	28.339.624	53.981.487
	- Ngoại nghiệp	C2 = a2+b2+c2+d2+e2+A.2.2+B2	9.056.969	19.433.952
V	Tổng cộng (chưa thuế)	D=C1+C2	37.396.592	73.415.439
VI	Tổng cộng (sau thuế)			79.288.000
	- Chi phí định giá đất			70.823.578
	- Thuế VAT (8%)			5.665.886
1	Chi phí định giá sau thuế (làm tròn)			76.489.000
	- Chi phí kiểm tra nghiệm thu			2.591.862
	- Thuế VAT (8%)			207.349
2	Chi phí kiểm tra nghiệm thu sau thuế (làm tròn)			2.799.000

